

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN CẦN GIUỘC
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TẬP 1

**KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
NHÀ TRƯỜNG**

GIAI ĐOẠN 2021-2025

Số: 153/KH-THTT1

Tân Tập, ngày 17 tháng 6 năm 2020

KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG
GIAI ĐOẠN 2021-2025

Căn cứ Công văn số 738/PGDĐT-TH ngày 16/6/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giuộc về việc xây dựng Kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo và dự toán NSNN năm 2021 và kế hoạch 5 năm 2021-2025.

Trường Tiểu học Tân Tập 1 xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 cụ thể như sau:

PHẦN I
PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Tân Tập là một xã nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Long An, là vùng phát triển kinh tế phía đông của huyện Cần Giuộc, có diện tích tự nhiên 2.868 ha, địa giới hành chính có 7 ấp với 4.261 hộ, 15.274 nhân khẩu. Xã có vị trí tiếp giáp với sông Soài Rạp thông ra biển Đông rất thuận lợi cho việc phát triển Cảng biển và các ngành công nghiệp, có bến phà Cần Giuộc – Cần Giò, đường tỉnh 830 nối từ Cảng Quốc tế Long An đến Quốc lộ 1A đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế của địa phương. Cơ cấu kinh tế của xã đang chuyển dần từ nông nghiệp sang công nghiệp, thương mại, dịch vụ và nông nghiệp.

Trường Tiểu học Tân Tập 1 được thành lập theo Quyết định số 334/UB.QĐ.92 ngày 10/9/1992 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giuộc. Trường tọa lạc tại ấp Tân Quý, xã Tân Tập, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

*** Về tổ chức**

- Trường có Chi bộ Đảng độc lập, gồm 10 đảng viên (10 đảng viên chính thức, 00 đảng viên dự bị).
- Tổ chức Công đoàn: gồm có 22 đoàn viên, được chia 3 tổ.
- Đội TNTP HCM: gồm có 237 đội viên. Thực hiện tốt các quy định sinh hoạt Đội và Sao Nhi đồng.

*** Về nhân lực**

- Tổng số CBQL, GV, NV: 22/15 nữ, trong đó: CBQL: 2/0 nữ; giáo viên: 16/13 nữ; nhân viên: 4/2 nữ.
- Tỷ lệ giáo viên/ lớp: 1,45
- Trình độ CBQL, giáo viên: Đại học: 17; cao đẳng: 00; trung cấp: 01.

- Tổng số học sinh: 378 em/199 nữ. Được chia thành 11 lớp. Trong đó khối lớp 1 có 2 lớp với 65 em; khối lớp 2 có 2 lớp với 76 em; khối lớp 3 có 2 lớp với 66 em; khối lớp 4 có 2 lớp với 81 em; khối lớp 5 có 3 lớp với 90 em.

*** Về cơ sở vật chất**

- Diện tích khuôn viên trường là 5.013m² đã được UBND tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Trường được xây dựng tại trung tâm của 02 ấp Tân Đại, Tân Quý, thuận tiện cho việc đi học của học sinh. Trường đặt nơi thích hợp, yên tĩnh, không gian thoáng mát, xa khu vực chợ, gần trục giao thông chính, nên không bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn, khí độc hại, khói, bụi, ... môi trường xung quanh thoáng mát.

- Sân trường được tráng bê tông, trồng cây xanh, cây cảnh, tạo bóng mát cho học sinh học tập, sinh hoạt vui chơi. Tường rào xung quanh trường được xây dựng cao 2m, kiên cố.

- Môi trường đảm bảo an toàn, không gian sư phạm, thân thiện.

- Có 11 phòng/11 lớp, thực hiện dạy 2 buổi/ngày cho tất cả các lớp.

- Có 5 phòng học bộ môn gồm: phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính, phòng học Mỹ thuật, phòng Giáo dục thể chất, tất cả là phòng kiên cố trở lên.

- Các phòng thuộc khối phục vụ học tập khác: Có 4 phòng: phòng thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội, phòng giáo dục hỗ trợ học sinh khuyết tật, tất cả là phòng kiên cố.

- Khối phòng hành chính quản trị: Có 7 phòng: phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, phòng họp, phòng giáo viên, văn phòng, phòng y tế học đường, kho lưu trữ, phòng thường trực, bảo vệ, tất cả là phòng kiên cố.

- Khu vực để xe: nhà xe giáo viên: 1 ; nhà xe học sinh: 02

- Sân chơi: 2.800m²

*** Chất lượng giáo dục**

Từ năm học 2015-2016 đến nay, chất lượng giáo dục có chuyển biến tích cực, tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học ngày càng tăng.

1. Sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương trong việc thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về công tác giáo dục

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc, Đảng ủy – HĐND – UBND xã Tân Tập đã có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát đối với việc thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về công tác giáo dục trên địa bàn. Sự phối hợp các ban ngành đoàn thể về công tác giáo dục khá chặt chẽ đồng bộ về các mặt. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục; công tác PCGDTH, công tác huy động, vận động học sinh ra lớp, chăm sóc và giáo dục học sinh trên địa bàn.

2. Sự quan tâm của cha mẹ học sinh trong việc nâng cao chất lượng giáo dục

Nhà trường luôn được sự đồng thuận, ủng hộ và hỗ trợ của cha mẹ học sinh. Phụ huynh học sinh quan tâm nhiều hơn đến việc học của con em mình, hoạt động của nhà trường luôn được phụ huynh ủng hộ. Cha mẹ học sinh luôn đồng hành cùng với nhà trường trong việc nâng cao chất lượng dạy và học.

II. THỰC TRẠNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Quy mô trường lớp

Trường có 01 điểm với 11 lớp, tổng cộng có 378 học sinh/199 nữ, bình quân 34,46 học sinh/lớp. Trong đó:

Khối lớp	Số HS	Số Nữ	Số lớp	Bình quân HS/lớp	Học 2 buổi/ ngày		Học Tiếng Anh		Học Tin học	
					Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
1	65	31	2	32,5	2	65	2	65	0	0
2	76	40	2	38	2	76	0	0	0	0
3	66	40	2	33	2	66	2	66	2	66
4	81	40	2	41,5	2	81	2	81	2	81
5	90	48	3	30	3	90	3	90	3	90
Cộng	378	199	11	34,46	11	378	9	302	7	237

***Ưu điểm:** Trường có đầy đủ các khối lớp ở tiểu học; tỉ lệ bình quân số học sinh trên lớp đảm bảo theo quy định của Điều lệ Trường Tiểu học; có 100% số học sinh được học 2 buổi/ ngày. Có 9/11 lớp với 302/378 học sinh (tỉ lệ 79,89%) được học ngoại ngữ; học sinh các khối lớp 3-4-5 đều được học môn Tin học.

***Hạn chế:** Còn lớp học có số lượng học sinh trên 35 em/lớp; học sinh khối lớp 2 chưa được tổ chức học ngoại ngữ.

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Tổng số đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là 22 người. Nữ là 15.

Trong đó:

+ Cán bộ quản lí : 02 Nữ: 00
 + Giáo viên : 16 Nữ: 13
 + Nhân viên : 04 Nữ: 02

- Về loại cán bộ:

	Tổng số	Số Nữ	Loại cán bộ			Ghi chú
			Biên chế	Hợp đồng dài hạn	Hợp đồng theo ND 161	
Cán bộ quản lí	02	00	02	00	00	
Giáo viên	16	13	16	00	00	
Nhân viên	04	02	02	00	02	
Cộng	22	15	20	00	02	

- Về Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

	Tổng số	Nữ	Chuẩn nghề nghiệp giáo viên		Trình độ chuyên môn				Ghi chú
			Trên chuẩn	Đạt chuẩn	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	
Cán bộ quản lí	02	02	02	00	02	00	00	00	
Giáo viên	16	13	15	01	15	00	01	00	
Nhân viên	04	02	01	01	00	01	01	02	Bảo vệ
Cộng	22	15	18	02	17	01	02	02	

- Về Trình độ ngoại ngữ, tin học:

	Tổng số	Nữ	Trình độ ngoại ngữ (<i>tiếng Anh</i>)				Trình độ tin học			Ghi chú
			ĐH	B2	B1	A2	ĐH	B	A	
Cán bộ quản lí	2	0	0	0	2	0	0	1	1	
Giáo viên	16	13	1	1	1	11	0	6	10	
Nhân viên	4	2	0	0	0	1	00	2	0	
Cộng	22	15	1	1	3	12	0	9	11	

- Về tình hình đảng viên, trình độ lí luận chính trị:

	Tổng số	Nữ	Trình độ lí luận chính trị			Đảng viên	Ghi chú
			Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp		
Cán bộ quản lí	02	0	0	2	0	2	
Giáo viên	16	13	0	1	2	8	
Nhân viên	04	2	0	0	0	0	
Cộng	22	15	0	3	2	10	

*** Ưu điểm:**

- Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều có trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên. Tỷ lệ trên chuẩn chiếm tỷ lệ cao 90%.

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có trình độ ngoại ngữ bậc 1 trở lên là 16/18 người (tỷ lệ 88,9%); Trong đó đạt trình độ ngoại ngữ bậc 2 là 3 người gồm 02 CBQL và 01 GV; 12 giáo viên đạt trình độ ngoại ngữ bậc 2; 01 giáo viên dạy môn tiếng Anh đạt trình độ ngoại ngữ là Đại học.

- Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có trình độ tin học đạt tỷ lệ cao. Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều có chứng chỉ tin học.

- Tỷ lệ Đảng viên đạt 45,45%. Trong đó 2/2 CBQL; 8/16 giáo viên là đảng viên. Trong đó trình độ lý luận chính trị trung cấp là 3 người; sơ cấp là 02 người.

* **Hạn chế:** Đơn vị còn 01 giáo viên, 01 nhân viên có trình độ chuyên môn là trung cấp; chưa có nhân viên chuyên trách thư viện, thiết bị và giáo viên dạy môn tin học. Tỷ lệ Đảng viên trong nhân viên không có.

3. Chất lượng giáo dục toàn diện

Năm học 2019-2020 là năm học thứ ba áp dụng cách đánh giá theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định đánh giá học sinh tiểu học. Việc đánh giá này, những học sinh có kết quả học tập còn hạn chế không bị áp lực, tự ti, một mặt nào đó các em được khích lệ và động viên, giúp các em có hướng phấn đấu, vươn lên trong học tập. Giáo viên và phụ huynh quan tâm đến học sinh nhiều hơn, học sinh được phát triển một cách toàn diện, tăng sự gắn kết giữa gia đình với nhà trường. Trong đánh giá, không có sự phân biệt, học sinh không bị mặc cảm, áp lực về điểm số. Giáo viên kịp thời phát hiện tiến bộ của học sinh để động viên, khích lệ và phát hiện những hạn chế để hướng dẫn, giúp đỡ học sinh trong quá trình học tập. Đánh giá học sinh thực sự mang tính nhân văn, đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh.

Trong năm học, hiệu trưởng đã chỉ đạo tất cả giáo viên tiếp tục thực hiện đầy đủ các chương trình giáo dục cấp Tiểu học theo đúng các quy định, hướng dẫn hiện hành. Tiếp tục đổi mới kiểm tra, đánh giá các môn Đạo đức, Thủ công, Âm nhạc theo hướng thiết thực, gọn nhẹ. Giáo viên thực hiện dạy học tích hợp nội dung giáo dục: bảo vệ môi trường; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; an toàn giao thông; phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống HIV/AIDS, phòng tránh đuối nước, phòng tránh xâm hại vào các môn học và hoạt động giáo dục đảm bảo tính hợp lý, hiệu quả, không gây áp lực học tập đối với học sinh và giảng dạy đối với giáo viên.

Trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch, nội dung giáo dục đối với trường, tổ chức dạy 2 buổi/ ngày, tổ chức dạy Tiếng Anh, Tin học cho học sinh khối lớp 3-4-5 theo đúng hướng dẫn; đồng thời hướng dẫn và quy định cụ thể việc xây dựng kế hoạch và nội dung dạy học từng buổi học.

Trường đã tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo quy định (cấp trường 09 lần; cấp tổ 54 lượt; giáo viên dạy thao giảng trong tổ 30 tiết; dạy hội giảng cấp trường 4 tiết). Tham gia sinh hoạt ở cụm chuyên môn với các hoạt động và

chuyên đề, cụ thể: thực hiện 06 tiết các môn văn hóa, 01 tiết Mỹ thuật mới theo phương pháp Đan Mạch, 01 tiết âm nhạc.

Qua việc sinh hoạt chuyên môn đã giúp giáo viên và cán bộ quản lý trao đổi kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy, thống nhất Chuẩn kiến thức, kỹ năng, việc soạn giảng giáo án điện tử, việc sử dụng đồ dùng dạy học (của học sinh, giáo viên) một cách linh hoạt trong tiến trình tiết dạy, điều chỉnh việc dạy học, giao quyền cho giáo viên được phân bổ thời lượng tiết dạy sao cho phù hợp với đặc điểm của từng lớp và từng cá nhân học sinh, cải tiến phương pháp soạn giảng; giúp giáo viên chuyên phần lý thuyết, các bài tập thực hành khó thành trò chơi học tập giúp cho các em tiếp thu nhẹ nhàng, sinh động và khắc sâu kiến thức; thao giảng, dự giờ theo hướng tích cực đổi mới phương pháp; thống nhất kiến thức trọng tâm từng phân môn; tìm những chứng cứ ở từng bài, từng môn để đánh dấu xác nhận cho học sinh đánh giá bằng nhận xét; vận dụng hình thức tổ chức trò chơi vào bước luyện tập, thực hành bài mới; dự giờ rút kinh nghiệm việc đổi mới phương pháp; thống nhất kiến thức, kỹ năng cơ bản cần đạt ở từng bài, từng đối tượng học sinh; cách sử dụng ĐDDH; hướng dẫn học sinh sử dụng linh hoạt bộ ĐDHT; giải quyết khó khăn vướng mắc về chuyên môn qua sinh hoạt tổ chuyên môn; triển khai đầy đủ các chuyên đề cho toàn bộ giáo viên theo kế hoạch.

Chỉ đạo giáo viên thực hiện ra đề kiểm tra định kỳ đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, theo đúng hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo; có lưu ý phần điều chỉnh nội dung dạy học, tổ chức kiểm tra khách quan, công bằng có chú ý đến đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật hòa nhập. Tăng cường đổi mới phương pháp dạy học, vận dụng phương pháp “Dạy học tích cực”. Phương pháp Bàn tay nặn bột, dạy học Mỹ thuật theo phương pháp mới, nhằm giúp học sinh lĩnh hội tốt kiến thức và phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh qua việc giảng dạy các môn học giúp các em tự tin giải quyết tình huống gặp phải trong học tập và cuộc sống.

Tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tìm kiếm tư liệu dạy học, chia sẻ thông tin, trong việc soạn giảng, hỗ trợ việc đổi mới PPDH nhằm nâng cao hiệu quả tiết dạy, tạo hứng thú giúp học sinh tích cực học tập. Chú trọng giáo dục các môn chuyên giúp các em rèn luyện năng khiếu góp phần phát triển toàn diện.

Kết quả: cuối năm học có 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học, được lớp thăng, không có học sinh ở lại lớp. 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học. Chất lượng giáo dục nhà trường tiếp tục được đảm bảo.

4. Cơ sở vật chất

- Phòng học, phòng chức năng:

Số TT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng*	Diện tích (m ²)	Ghi chú
Diện tích các phòng hành chính, phòng chức năng					
01	Phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng	01	32	Đưa vào sử dụng năm 1998
02	Phòng Hiệu trưởng	Phòng	01	32	Đưa vào sử dụng năm 1998
03	Văn phòng	Phòng	01	32	Đưa vào sử dụng năm 1998
04	Phòng học môn Âm nhạc	Phòng	01	64	
05	Thư viện	Phòng	01	64	
06	Phòng thiết bị	Phòng	01	64	Đưa vào sử dụng năm 1998
07	Phòng học môn Tin học	Phòng	01	64	
08	Phòng truyền thống Đội	Phòng	01	64	Đưa vào sử dụng năm 1998
09	Phòng học môn Ngoại ngữ	Phòng	01	64	
10	Phòng Đa năng	Phòng	01	64	
11	Phòng học môn Mỹ thuật	Phòng	01	64	
12	Phòng Y tế	Phòng	01	32	Đưa vào sử dụng năm 1998
13	Phòng Tư vấn học đường	Phòng	01	32	Đưa vào sử dụng năm 1998
14	Nhà kho	Phòng	01	64	Đưa vào sử dụng năm 1998
15	Phòng bảo vệ	Phòng	01	9	
Diện tích các phòng học văn hóa					
16	Phòng học	Phòng	10	640	
Diện tích các nhà vệ sinh					

Số TT	Tên hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
17	Nhà vệ sinh CB, GV, NV	Nhà	01	24	Nam, nữ riêng
18	Nhà vệ sinh học sinh	Nhà	02	64	
Diện tích các nhà để xe					
19	Nhà xe CB, GV, NV	Nhà	01	40	
20	Nhà xe học sinh	Nhà	02	80	
Diện tích cây xanh, sân chơi, bãi tập					
21	Cây xanh			1000	
22	Vườn trường	Khu	1	80,00	
Tổng diện tích mảng xanh				1080	
23	Sân chơi – Bãi tập		1	2800	
Tổng diện tích đất toàn khuôn viên: 5.013m²					

- Sách và tài liệu Thư viện:

Tên sách	ĐV tính	Số lượng	Tỉ lệ đáp ứng	Ghi chú
Sách giáo khoa	Bản	3854	100%	
Sách thiếu nhi	Bản	1131	100%	
Sách tham khảo	Bản	3382	100%	
Tài liệu khác	Bản	484	100%	

- Trang thiết bị dạy-học:

1. Bộ đồ dùng dạy học tối thiểu	ĐV tính	Số lượng	Tỉ lệ đáp ứng	Ghi chú
- Thiết bị dạy học lớp 1	Bộ	3	100%	
- Thiết bị dạy học lớp 2	Bộ	3	100%	
- Thiết bị dạy học lớp 3	Bộ	3	100%	
- Thiết bị dạy học lớp 4	Bộ	3	100%	
- Thiết bị dạy học lớp 5	Bộ	3	100%	

1. Bộ đồ dùng dạy học tối thiểu	ĐV tính	Số lượng	Tỉ lệ đáp ứng	Ghi chú
2. Thiết bị dùng chung				
- Máy tính	Bộ	3	100%	
- Phần mềm tin học	Bộ	14	100%	
- Máy chiếu	Bộ	5	100%	
- Thiết bị âm thanh	Bộ	3	100%	
- Bộ đồ chơi ngoài trời	Bộ	02	100%	
- Máy Photocopy	Cái	01	100%	
- Ti vi	Cái	02	20%	
3. Bàn ghế học sinh				
- Bàn 1 chỗ ngồi	Bộ	148	100%	
- Bàn 2 chỗ ngồi	Bộ	140	100%	

* **Ưu điểm:** Diện tích khuôn viên nhà trường đảm bảo với bình quân 13,26 m²/học sinh. Có đầy đủ phòng học cho học sinh học đảm bảo mỗi lớp học 01 phòng; phòng học, phòng chức năng được xây dựng đúng kỹ thuật, đảm bảo thiết kế theo qui định. Phòng tin học được trang bị đầy đủ máy tính cho học sinh học; bàn ghế đầy đủ cho học sinh ngồi; có đầy đủ trang thiết bị hoạt động tại các phòng chức năng; sách giáo khoa, tài liệu, đồ dùng dạy học được đảm bảo, đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh. Hàng rào được xây dựng kiên cố, khuôn viên sân trường thoáng mát, có canh xây, cây cảnh, cảnh quang nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

* **Hạn chế:** Trường còn thiếu các theo quy định như: Phòng tổ chức Đảng, đoàn thể; phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, nhà đa năng. Bên cạnh đó vẫn phòng; phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; phòng họp; nhà kho, phòng truyền thống, phòng y tế, phòng tư vấn học đường đã đưa vào sử dụng trên 20 năm nên đã xuống cấp, hư hỏng, mất an toàn. Sân trường bị sụt lún, bong tróc không đảm bảo thoát nước khi có mưa lớn, không đảm bảo an toàn cho học sinh khi học tập, vui chơi.

III. PHÂN TÍCH CÁC ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, THỜI CƠ, THÁCH THỨC

1. Điểm mạnh

Nhà trường luôn được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc, Đảng ủy – HĐND – UBND xã Tân Tập quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát đối với việc thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về công tác giáo dục trên địa bàn. Sự phối hợp tốt của các ban ngành đoàn thể về công tác xã hội hóa giáo dục; công tác PCGDTH, công tác huy động, vận động học sinh ra lớp, chăm sóc và giáo dục học sinh trên địa bàn.

Trường luôn được sự đồng thuận, ủng hộ và hỗ trợ của cha mẹ học sinh. Phụ huynh học sinh quan tâm nhiều hơn đến việc học của con em mình, hoạt động của nhà trường luôn được phụ huynh ủng hộ. Cha mẹ học sinh luôn đồng hành cùng với nhà trường trong việc nâng cao chất lượng dạy và học.

Cơ sở vật chất khang trang, rộng rãi, thoáng mát. Thiết bị dạy - học đủ để phục vụ cho giảng dạy và học tập của nhà trường. Các khối lớp được học 2 buổi/ngày.

Chất lượng giáo dục nhà trường được đảm bảo; tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học; hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm đều đạt tỉ lệ 100%. Sĩ số được duy trì, không có học sinh bỏ học.

Diện tích khuôn viên nhà trường đảm bảo với bình quân 13,26 m²/học sinh. Có đầy đủ phòng học cho học sinh học đảm bảo mỗi lớp học 01 phòng; phòng học, phòng chức năng được xây dựng đúng kĩ thuật, đảm bảo thiết kế theo qui định. Phòng tin học được trang bị đầy đủ máy tính cho học sinh học; bàn ghế đầy đủ cho học sinh ngồi; có đầy đủ trang thiết bị hoạt động tại các phòng chức năng; sách giáo khoa, tài liệu, đồ dùng dạy học được đảm bảo, đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh. Hàng rào được xây dựng kiên cố, khuôn viên sân trường thoáng mát, có cảnh xây, cây cảnh, cảnh quang nhà trường xanh, sạch, đẹp, an toàn.

Công tác tổ chức, lãnh đạo của cán bộ quản lý có tầm nhìn khoa học, sáng tạo; các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn có tính khả thi, sát thực tế; công tác tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới; được sự tin tưởng cao của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đoàn kết, trách nhiệm, năng động, nhiệt tình. Đủ về số lượng, chất lượng chuyên môn khá đồng đều, đạt chuẩn 100%, trong đó 90% trên chuẩn.

2. Điểm yếu

Địa bàn của xã là vùng nông thôn, nhân dân chủ yếu là làm nông nghiệp, làm công nhân, mức thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, một bộ phận dân cư thiếu sự quan tâm đến giáo dục nhất là việc học tập của con em nên có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng chung của từng lớp và nhà trường, một số học sinh chưa có ý thức tự giác học tập, việc tự học, tự rèn luyện còn hạn chế.

Đơn vị còn 01 giáo viên, 01 nhân viên có trình độ chuyên môn là trung cấp; chưa có nhân viên chuyên trách thư viện, thiết bị và giáo viên dạy môn tin học. Tỉ lệ Đảng viên trong nhân viên chưa có. Một số ít giáo viên chưa thực sự theo kịp được yêu cầu đổi mới giảng dạy, quản lý, giáo dục học sinh; khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy đôi khi, đôi chỗ thực hiện chưa tốt.

Trường còn thiếu các theo quy định như: Phòng tổ chức Đảng, đoàn thể; phòng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, nhà đa năng. Bên cạnh đó văn phòng; phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; phòng họp; nhà kho, phòng truyền thống, phòng y tế, phòng tư vấn học đường đã đưa vào sử dụng trên 20 năm nên đã

xuống cấp, hư hỏng, mất an toàn. Sân trường bị sụt lún, bong tróc không đảm bảo thoát nước khi có mưa lớn, không đảm bảo an toàn cho học sinh khi học tập, vui chơi.

3. Thời cơ

Tình hình chính trị, an ninh trật tự, an toàn xã hội, kinh tế - văn hoá xã hội của địa phương ổn định, từng bước phát triển theo chiều hướng tích cực. Đời sống của nhân dân ngày được cải thiện, công tác xoá đói giảm nghèo được các cấp quan tâm đúng mức. Nhận thức việc học tập của cộng đồng dân cư ngày càng tiến bộ, mọi gia đình đều quan tâm tới việc học tập của con em và xem đây là nhiệm vụ hàng đầu để thoát nghèo. Khoa học công nghệ ngày càng ứng dụng, phát triển mạnh và được vận dụng khá rộng rãi trong cuộc sống hàng ngày, mang lại hiệu quả thiết thực, nhu cầu việc học đòi hỏi đáp ứng ngày càng cao. Chính quyền địa phương đã có nhiều chính sách tích cực nhằm phát triển giáo dục trên địa bàn.

Tốc độ phát triển kinh tế, xã hội của xã Tân Tập trong những năm gần đây phát triển khá mạnh, Cảng Quốc tế Long An đi vào hoạt động; các dự án công nghiệp được hình thành, trình độ dân trí tăng cao, nhu cầu học tập đòi hỏi ngày càng lớn.

Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giuộc, chính quyền địa phương và toàn thể các ban ngành từ cấp huyện đến địa phương, được ban đại diện CMHS, hội khuyến học tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Con đường Kênh Sườn đã được khởi công nâng cấp sửa chữa. Cầu Tân Đại, Tân Quý được xây mới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của học sinh.

Phần đông học sinh và cha mẹ học sinh trong địa bàn đã có lòng tin vào chất lượng giáo dục của nhà trường, yên tâm khi được học tại trường.

4. Thách thức

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và của học sinh, đòi hỏi nhà trường phải có thay đổi vượt bậc về các điều kiện dạy - học cũng như phương pháp, cách thức tổ chức dạy học nhằm bắt kịp đà phát triển chung của ngành. Chương trình phổ thông năm 2018 được thực hiện bắt đầu từ lớp Một năm học 2020-2021.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện để thu hút đông đảo học sinh trong địa bàn về học tại trường. Bồi dưỡng cho học sinh tinh thần thái độ học tập đúng đắn, vượt qua những biểu hiện tiêu cực của xã hội hiện tại như chơi game online, bạo lực học đường, ý thức khi tham gia giao thông, phòng tránh xâm hại, phòng tránh đuối nước...

Chất lượng của một số ít giáo viên chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục, nhất là khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, năng lực chủ động, sáng tạo của cán bộ, giáo viên, công nhân viên

Sự vươn lên mạnh mẽ của các trường lân cận tạo ra sự cạnh tranh về chất lượng.

Vẫn còn không ít gia đình chưa thật sự quan tâm đến việc học tập của con em, nhiều cha mẹ chưa biết dành thời gian và biện pháp giúp đỡ con em mình, kết quả học tập và rèn luyện của học sinh còn phó mặc cho nhà trường.

Tác động của tệ nạn xã hội và nguy cơ xâm nhập học đường gây nhiều khó khăn cho việc giáo dục đạo đức học sinh của nhà trường.

5. Xác định vấn đề ưu tiên

Xây dựng, duy trì chất lượng trường đạt chuẩn Quốc gia và được công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia và năm 2025 theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT⁽¹⁾.

Xây dựng tập thể hội đồng sư phạm đoàn kết, vững mạnh về phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện tốt mọi nhiệm vụ phát triển giáo dục của đơn vị trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian sắp tới.

Đổi mới quản lý để phát triển nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành giáo dục, nâng cao thực sự chất lượng giáo dục.

Tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện; nhà giáo mẫu mực, học sinh chăm ngoan, môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.

Thực hiện dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng, chương trình giáo dục phổ thông mới; đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh với mục tiêu nâng cao chất lượng dạy học. Tích cực, chủ động chuẩn bị, thực hiện đầy đủ cho việc thay sách giáo khoa mới theo tinh thần của Nghị quyết 29-NQ/TW⁽²⁾; Nghị quyết số 88/2014/QH13⁽³⁾; Quyết định số 404/QĐ-TTg, ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Chương trình số 32-CTr/HU ngày 03/10/2014 của Ban Thường vụ huyện ủy và Kế hoạch số 73/KH-UBND, ngày 25/6/2015 của UBND huyện; Báo cáo số 192-BC/HU ngày 19/6/2018 của Ban Thường vụ Huyện ủy Cần Giuộc về Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chuẩn bị mọi điều kiện, thực hiện tốt cho việc thay đổi chương trình, sách giáo khoa mới theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT⁽⁴⁾. Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý cũng như giảng dạy.

⁽¹⁾ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 về việc Ban hành Quy định Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt Chuẩn Quốc gia đối với trường Tiểu học.

⁽²⁾ Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

⁽³⁾ Nghị quyết số 88/2014/QH14, ngày 28/11/2014 của Quốc hội khóa XIII về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

⁽⁴⁾ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 về việc Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông.

PHẦN II
KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG
GIAI ĐOẠN 2020-2025

I. TỔNG QUAN

Xây dựng, duy trì chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia và được công nhận lại trường đạt mức độ 1 vào năm 2025, là nơi có uy tín về chất lượng giáo dục; là trung tâm văn hóa, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu hướng phát triển của địa phương.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Quy mô số lớp, số học sinh

Bảng 1 - Dự kiến số lớp, số học sinh giai đoạn 2021-2025

Khối	2020-2021		2021-2022		2022-2023		2023-2024		2024-2025	
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
1	70	2	75	2	80	2	85	3	90	3
2	62	2	70	2	75	2	80	2	85	3
3	76	2	62	2	70	2	75	2	80	2
4	66	2	76	2	62	2	70	2	75	2
5	81	2	66	2	76	2	62	2	70	2
Tổng cộng	355	10	349	10	363	10	386	11	406	12

2. Tâm nhìn

Xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập dân chủ, nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực, phẩm chất và tư duy sáng tạo.

3. Sứ mệnh

Trở thành trường trọng điểm chất lượng cao; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình; nơi giáo viên và học sinh luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công. Đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

III. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2021 – 2025

1. Phát triển hoạt động giáo dục

1.1. Phát triển giáo dục

1.1.1. Mục tiêu phát triển giáo dục

Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập Giáo dục Tiểu học mức độ 3. Đảm bảo duy trì sĩ số, không có học sinh bỏ học. Đảm tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học theo tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia, được công nhận lại trường đạt chuẩn quốc mức độ 1 vào năm 2025.

1.1.2. Phát triển chất lượng giáo dục

Bảng 2 - Chỉ tiêu về chất lượng từ năm 2021 đến 2025

Năm học	Số	Duy trì số		Học sinh hoàn thành chương trình lớp học		Học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học	
		SL	%	SL	%	SL	%
2020 - 2021	355	355	100	355	100	81	100
2021 - 2022	349	349	100	349	100	66	100
2022 - 2023	363	363	100	363	100	76	100
2023 - 2024	386	386	100	386	100	62	100
2024 - 2025	406	406	100	406	100	70	100

1.1.3. Giải pháp thực hiện

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và chương trình giáo dục phổ thông mới theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 về việc Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông, Công văn 896/BGD&ĐT, tài liệu về chuẩn kiến thức và kỹ năng, tài liệu giảm tải của Bộ; tài liệu hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học ở tiểu học; Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về “Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông”; thực hiện việc sử dụng sách, tài liệu tham khảo trong trường phổ thông theo công văn số 2372/BGDĐT-GDTrH ngày 11/4/2013 của Bộ GD&ĐT; dạy tích hợp vào các môn học về biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng, kỹ năng sống và đạo đức Hồ Chí Minh, quyền và bổn phận trẻ em, bình đẳng giới, an toàn giao thông, ... việc dạy tích hợp đảm bảo sự hợp lý, nhẹ nhàng không gây áp lực cho học sinh.

Đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường ứng dụng phương pháp “Bàn tay nặn bột” vào các môn Tự nhiên và Xã hội ở các lớp 1, 2, 3 và môn Khoa học ở lớp 4, 5. Dạy học Mỹ Thuật theo phương pháp Đan Mạch. Dạy ngoại ngữ và Tin học theo quy định. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí ở các lớp 4, 5. Tích cực dạy học cá thể, chú trọng và phát huy năng khiếu, sở trường của mỗi học sinh.

Đổi mới hình thức, nội dung các hoạt động giáo dục đạo đức, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn, tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm sáng tạo giúp học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản.

Tổ chức nghiêm túc, có chất lượng và có hiệu quả các Hội thi “Giáo viên dạy Giỏi” và “Giáo viên chủ nhiệm Giỏi”.

Thực hiện đánh giá, xếp loại học sinh theo Văn bản của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

1.2. Đảm bảo chất lượng**1.2.1. Các điều kiện đảm bảo chất lượng**

Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn tốt; có trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, chia sẻ, giúp đỡ nhau cùng hoàn thành tốt nhiệm vụ theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục theo hướng đạt chuẩn theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

1.2.2. Các biện pháp quản lý nâng cao chất lượng

Tham mưu cấp trên bố trí đầy đủ các chức danh đảm bảo đúng khung vị trí việc làm theo quy định. Khuyến khích đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý tự học, tự rèn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng tốt theo yêu cầu của xã hội. Tạo môi trường thuận lợi để cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy hết khả năng của mình; tích cực, sáng tạo trong công việc và có những việc làm mang tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn giỏi; có trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực, đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khoa học, hợp tác, đề cao tính tự giác, tính kỷ luật. Thực hiện đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn⁽⁵⁾, theo Nghị định 56/2015/NĐ-CP và Nghị định 88/2017/NĐ-CP của Chính phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức⁽⁶⁾; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch một cách khoa học, có tầm nhìn dài hạn.

Tham mưu với cấp trên, xây dựng thêm phòng học, phòng chức năng, đầu tư bổ sung trang thiết bị dạy học đạt chuẩn theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lập kế hoạch quản lý và sử dụng hiệu quả, lâu dài. Hàng năm có kế hoạch bố trí kinh phí mua sắm đồ dùng, bổ sung trang thiết bị phục vụ dạy học để đáp ứng cho việc nâng chất lượng dạy học. Xây dựng kế hoạch sử dụng và nâng cao hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

⁽⁵⁾ Đánh giá Hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông. Đánh giá giáo viên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Chuẩn giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông

⁽⁶⁾ Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức;

1.2.3. Các hoạt động đảm bảo chất lượng

Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, tài chính, thư viện - thiết bị, cơ sở vật chất, thông tin mạng, giảng dạy, các hoạt động thi đua, ... góp phần nâng cao chất lượng quản lý và dạy - học. Động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học, tự rèn hoặc theo học các lớp bồi dưỡng để sử dụng thành thạo máy vi tính, website, mail, internet phục vụ cho công việc. Khai thác triệt để công nghệ thông tin điện tử của trường và các trang điện tử, báo mạng khác nhằm khai thác thông tin bổ ích.

Vận dụng có hiệu quả việc liên hệ với phụ huynh học sinh tại hệ thống thông tin giáo dục; sử dụng hiệu quả, chất lượng cơ sở dữ liệu trường trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, sử dụng khai thác hiệu quả các phần mềm quản lý được trang cấp. Khuyến khích giáo viên, nhân viên tạo lập và sử dụng có hiệu quả hộp thư điện tử riêng.

Xây dựng nhà trường văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục trong các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội cùng cộng đồng có trách nhiệm với nhà trường để làm tốt nhiệm vụ giáo dục. Tích cực huy động nguồn lực xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường.

1.2.4. Hoạt động tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng

Thực hiện việc tự đánh giá đúng theo qui trình hướng dẫn của Bộ GD&ĐT theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018, thông tư ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học của Bộ GD&ĐT và Hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018, về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT. Thành lập Hội đồng tự đánh giá; lập kế hoạch tự đánh giá; thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; đánh giá mức đạt được theo từng tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá; công bố báo cáo tự đánh giá; triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá. Tất cả các bước trong quy trình tự đánh giá đều thực hiện đúng theo hướng dẫn. Sau khi được dự lớp tập huấn nghiệp vụ kiểm định và tự đánh giá cơ sở giáo dục phổ thông, Hiệu trưởng đã ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá. Sau khi được thành lập, chủ tịch Hội đồng tự đánh giá đã tổ chức các cuộc họp để triển khai nghiệp vụ kiểm định và đánh giá, kế hoạch tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên thu thập thông tin, minh chứng và thực hiện việc đánh giá cho từng tiêu chí theo kế hoạch đề ra. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường trên các nội dung sau:

- Tổ chức và quản lý, bao gồm 10 tiêu chí: phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các

đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường; khối lớp và tổ chức lớp học; quản lý hành chính, tài chính và tài sản; quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên; quản lý các hoạt động giáo dục; thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh, bao gồm 4 tiêu chí: đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; đối với giáo viên; đối với nhân viên; đối với học sinh.

- Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, bao gồm 6 tiêu chí: khuôn viên, sân chơi, sân tập; phòng học; khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị; khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước; thiết bị; thư viện.

- Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, bao gồm 2 tiêu chí: Ban đại diện cha mẹ học sinh; công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

- Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục, bao gồm 5 tiêu chí: kế hoạch giáo dục của nhà trường; thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; thực hiện các hoạt động giáo dục khác; công tác phổ cập giáo dục tiểu học; kết quả giáo dục.

2. Phát triển đội ngũ

2.1. Mục tiêu phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức

Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo và nhân viên. Đến năm 2025 có tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có trình độ Đại học. Trong đó 10% có trình độ sau đại học. Đảm bảo chất lượng đội ngũ theo tiêu chuẩn trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 vào năm 2021, mức độ 2 vào năm 2025.

2.2. Nhu cầu về đội ngũ cán bộ, viên chức

Bảng 3 - Nhu cầu đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên từ 2021 đến 2025

Năm học	Số lớp	TS CB, GV, NV	CB QL	Giáo viên						Nhân viên				
				Tiêu học	TPT	AN	TD	Ngoại ngữ	Tin học	Mĩ thuật	Kế toán	Y tế	Thư viện	Thiết bị
2020-2021	10	22	2	10	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2021-2022	10	22	2	10	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2022-2023	10	22	2	10	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2023-2024	11	23	2	11	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2024-2025	12	24	2	12	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1

2.3. Giải pháp phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tham mưu cấp trên bố trí đầy đủ các chức danh đảm bảo đúng khung vị trí việc làm theo quy định. Tiếp tục triển khai Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với Nghị quyết hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ nhà trường, gắn với cuộc vận động "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo" và phong trào thi đua "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" đến toàn thể CB-GV-HS.

Xây dựng đội ngũ giáo viên và nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Chú trọng bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên và nhân viên về nội dung, quan điểm đổi mới công tác quản lí, phương pháp dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng nói riêng. Tiếp tục quan tâm đánh giá và bồi dưỡng nâng cao năng lực theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học; bồi dưỡng ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học. Triển khai công tác bồi dưỡng giáo viên theo Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học và Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học. Đồng thời, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giáo viên tiểu học đạt tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo Thông tư số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 Thông tư liên tịch Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập và công văn 2793/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 30/6/2017 V/v tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

Thực hiện tốt Quyết định số 16/2008/QĐ-BGD&ĐT, ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về đạo đức Nhà giáo; Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT, ngày 12/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo. Triệt để chống các hành vi xúc phạm đến nhân phẩm, thân thể học sinh và bạo lực học đường;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và công khai kết quả để góp phần đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Kiểm điểm nghiêm túc khi có dấu hiệu vi phạm hoặc chậm trễ, trì trệ, kém hiệu quả trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, xử lý nghiêm minh đối với những cá nhân sai phạm theo quy định của pháp luật.

- Quán triệt lại các văn bản chỉ đạo, nêu các yêu cầu với đội ngũ (GV-HS) thực hiện tốt cuộc vận động, trên cơ sở đó làm gương cho quần chúng nhân dân trong địa bàn. Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện cuộc vận động, tổ chức ký cam kết thực hiện cuộc vận động cho tất cả CB-GV-NV. Tổ chức việc thực hiện

các yêu cầu của cuộc vận động với việc đánh giá xếp loại, đánh giá thi đua các tập thể, cá nhân từng học kỳ và cuối năm.

- CB-GV-NV thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, rèn luyện đạo đức lối sống, tham gia học tập đầy đủ các nghị quyết, các buổi sinh hoạt chính trị, các đợt bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ do ngành tổ chức, không có giáo viên bị vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật Nhà nước. Phải thể hiện rõ quyền hạn, trách nhiệm, trong công tác. Đảm bảo tốt ngày giờ công, nghỉ phải xin phép, lớp có người dạy thay, tham gia hội họp đầy đủ. Quan hệ tốt với đồng nghiệp, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau. Phối hợp tốt với cha mẹ học sinh, tạo cầu nối giữa gia đình và nhà trường trong việc theo dõi và giáo dục học sinh.

- Động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để giáo viên đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, phấn đấu trở thành GVCN giỏi; GVDG, tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

3. Phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật

3.1. Mục tiêu phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật

Xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục theo hướng đạt chuẩn theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

3.2. Nhu cầu về cơ sở vật chất

Bảng 4- Nhu cầu về đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 2021 đến 2025

Hạng mục đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Diện tích (m ²)	Năm đầu tư
Khối phòng hành chính quản trị				
- Phòng tổ chức Đảng, đoàn thể	Phòng	1	24	2025
Khối phòng học tập				
- Phòng học môn Âm nhạc	Phòng	1	64	2025
- Phòng học môn Mỹ thuật	Phòng	1	64	2025
- Phòng học môn Khoa học – Công nghệ	Phòng	1	64	2025
Khối phòng hỗ trợ học tập				
- Thư viện	Phòng	1	120	2025
- Phòng thiết bị giáo dục	Phòng	1	48	2025
Khối phụ trợ				
- Phòng giáo viên	Phòng	1	72	2025
- Phòng nghỉ giáo viên	Phòng	1	9	2025

Bảng 5- Nhu cầu về mua sắm trang thiết bị dạy học giai đoạn 2021 đến 2025

Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đầu tư
- Thiết bị dạy học tối thiểu	Bộ	12	Giai đoạn 2021-2025
- Thiết bị dùng chung	Bộ	12	Giai đoạn 2021-2025
- Máy tính quản lý	Bộ	02	Giai đoạn 2021-2025
- Máy chiếu, màn chiếu	Cái	5	Giai đoạn 2021-2025
- Thiết bị âm thanh	Bộ	1	Giai đoạn 2021-2025
- Máy tính xách tay	Cái	5	Giai đoạn 2021-2025
- Thiết bị phòng máy tính	Phòng	1	Giai đoạn 2021-2025
- Thiết bị ngoài trời	Bộ	1	Giai đoạn 2021-2025
- Thiết bị phòng Mỹ thuật	Phòng	1	Giai đoạn 2021-2025
- Tủ đựng thiết bị	Cái	2	Giai đoạn 2021-2025
- Ti vi	Cái	3	Giai đoạn 2021-2025
- Bàn ghế học sinh	Bộ	206	Giai đoạn 2021-2025

3.3. Giải pháp phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật

Tham mưu với cấp trên, xây dựng thêm phòng học, phòng chức năng, đầu tư bổ sung trang thiết bị dạy học đạt chuẩn theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lập kế hoạch quản lý và sử dụng hiệu quả, lâu dài. Hằng năm có kế hoạch bố trí kinh phí mua sắm đồ dùng, bổ sung trang thiết bị phục vụ dạy học để đáp ứng cho việc nâng chất lượng dạy học. Xây dựng kế hoạch sử dụng và nâng cao hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh. Tích cực huy động mọi nguồn lực, thực hiện tốt công tác xã hội hóa để đầu tư, xây dựng thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

4. Phát triển nguồn lực tài chính

4.1. Kế hoạch và biện pháp tăng nguồn lực tài chính

Đảm bảo đúng quy định, đúng nguyên tắc thu – chi tài chính. Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ chính sách cho CB-GV-NV. Thực hiện đúng Quy chế chi tiêu nội bộ.

4.2. Giải pháp thực hiện

Nâng cao trách nhiệm cá nhân của Kế toán – Thủ quỹ và Thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện công tác quản lý tài chính – tài sản của đơn vị, thực hiện nghiêm túc và đầy đủ nội dung công khai tài chính - tài sản theo quy định, để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân từng cán bộ, giáo viên thực hiện quyền giám sát, chất vấn của mình.

Thực hiện tốt chế độ kiểm tra nội bộ có liên quan đến việc sử dụng tài chính – tài sản để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các biểu hiện sai phạm, thiếu sót trong quản lý, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm có liên quan đến tham nhũng, thu lợi cho cá nhân. Đảm bảo chế độ trách nhiệm bảo quản tài chính - tài sản của từng cá nhân được phân công, đồng thời thực hiện tốt nội quy trực bảo vệ cơ quan 24/24 theo kế hoạch phân công.

Công tác thu, chi ngân sách của đơn vị đã bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ và kế hoạch đề ra. Việc phản ánh số liệu trên các báo cáo tài chính của đơn vị rõ ràng trung thực đúng với chế độ tài chính cho phép. Số liệu phản ánh trên các mục, tiểu mục của mục lục ngân sách phù hợp với số liệu phản ánh trên sổ chi tiết hoạt động của đơn vị. Đảm bảo việc thanh toán đầy đủ, kịp thời mọi khoản chi thường xuyên phát sinh tại đơn vị.

Việc thực hiện chế độ chi thường xuyên tại đơn vị phù hợp với luật Ngân sách Nhà nước đã quy định. Theo đúng tinh thần của Văn bản số 1216/UBND-TCKH, ngày 30/5/2019 của UBND huyện Cần Giuộc về việc Chấn chỉnh tình trạng quản lý thu chi ở các trường học trực thuộc UBND huyện.

Trên cơ sở kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo hằng năm và các định mức, chế độ, chính sách hiện hành; trường xây dựng và tổng hợp dự toán thu, chi. Dự toán thu của trường: ước thực hiện thu gồm các nguồn thu từ Ngân sách nhà nước, phí 2 buổi/ngày, khác.

Dự toán chi thường xuyên: ước thực hiện năm trước và dự toán năm sau: xây dựng trên cơ sở định mức phân bổ NSNN hiện hành, trong đó: dự toán chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương theo đúng các chế độ đã ban hành trước thời điểm lập dự toán và chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đối với giáo dục và đào tạo đã ban hành. Trên cơ sở định mức trên, bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) tối đa 80%, chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Thực hiện nghiêm theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT, ngày 03/8/2018 (có hiệu lực thi hành từ 18/9/2018) của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện

1.1. Phổ biến kế hoạch

Phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nội dung của chiến lược.

Thông qua ban đại diện cha mẹ học sinh, phổ biến đến cha mẹ học sinh nội dung của chiến lược phát triển.

Đưa lên cổng thông tin điện tử của trường cũng như niêm yết tại bảng tin cho cha mẹ học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường được biết.

1.2. Xây dựng lộ trình

* **Giai đoạn 2021-2023:** Trình cấp thẩm quyền phê duyệt chiến lược phát triển của nhà trường, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược. Thực hiện các sứ mệnh của chiến lược phát triển nhà trường: *“Xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều kiện phát triển năng lực, phẩm chất và tư duy sáng tạo”*. Duy trì chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

* **Giai đoạn 2023-2025:** Khẳng định được thương hiệu, uy tín và hình ảnh của nhà trường *“Là một cơ sở giáo dục có chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng được yêu cầu của xã hội”*. Lập và triển khai các kế hoạch đề nghị công nhận lại trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

- Hằng năm, rà soát đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, có điều chỉnh các tiêu chí cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và địa phương.

1.3. Phân công trách nhiệm từng bộ phận, cá nhân

1.3.1. Hiệu trưởng

- Xây dựng chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2020-2025.
- Thành lập Ban chỉ đạo, Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

1.3.2. Phó Hiệu trưởng

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

1.3.3. Tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể theo tuần, tháng, năm và từng đợt thi đua.
- Tổ chức và phân công lao động hợp lý dựa trên nguồn lực, khả năng và trách nhiệm của từng thành viên.
- Trong quá trình thực hiện cần thường xuyên phản hồi, đóng góp ý kiến với lãnh đạo nhà trường để có giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công việc.

1.3.4. Giáo viên, viên chức

- Thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.
- Không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phần đầu trở thành giáo viên giỏi, đạt danh hiệu Lao động Tiên Tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, xứng đáng là “*tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*” cho học sinh noi theo.
- Phát huy tinh thần vượt khó vươn lên, luôn có khát vọng được đóng góp sức mình vào sự phát triển của nhà trường với phương châm “*Nỗ lực của cá nhân là thành công của tập thể*”.

1.3.5. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường

Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa nhà trường và các đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ; tuyên truyền việc thực hiện kế hoạch trong thành viên của mình biết và hoàn thành tốt nhiệm vụ khi được giao. Thực hiện tốt công tác giám sát và phản biện theo quy định.

1.3.6. Ban đại diện cha mẹ học sinh

- Phối hợp với nhà trường trong giáo dục, bồi dưỡng học sinh các giá trị cơ bản trong hệ thống các giá trị mà chiến lược đã vạch ra.
- Luôn có những ý kiến tham mưu, đóng góp, giúp đỡ và ủng hộ nhà trường về mọi mặt. Cùng nhà trường hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của chiến lược.

PHẦN IV KIẾN NGHỊ

1. Đối với Huyện ủy, UBND huyện

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể, phòng ban cấp huyện có liên quan bố trí cho nhà trường đủ số lượng nhân sự, đủ nguồn vốn để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo quy định.

2. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, quan tâm hơn nữa đến hoạt động của nhà trường. Tạo điều kiện cho đơn vị hoàn thành tốt các nội dung, chỉ tiêu mà kế hoạch đã đề ra.

3. Đối với chính quyền địa phương

Quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn cho đơn vị hoàn thành kế hoạch đề ra. Chỉ đạo các bộ phận, các ban ngành đoàn thể địa phương phối hợp, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhà trường hoàn tất các chỉ tiêu theo kế hoạch đã đề ra.

Trên đây là Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 của Trường Tiểu học Tân Tập 1./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (báo cáo);
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã (báo cáo);
- BGH, Các đoàn thể, bộ phận (thực hiện);
- Lưu: VT.



Ngô Trần Nghĩa

DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Thành Công

